TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **155**/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/9/2025
V/v tranh chấp: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1**.** Ông **Trương Văn Hơn;**

2. Bà **Võ Thị Lệ;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Khắc Huy** – kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 421/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn B** – sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp Q, xã L, tỉnh Đ (có mặt);

2. Bị đơn: Chị **Đặng Thị Thúy K -** sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp Q, xã L, tỉnh Đ (vắng mặt không lý do);

NỘI D VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Văn B trình bày:

Anh và chị K cưới nhau vào năm 2010, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh đi chấp hành án 9 tháng tù giam về thì chị K bỏ nhà đi nên anh và chị K đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay anh xin được ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Đặng Minh N sinh ngày xx/xx/xxxx, Lê Đặng Ngọc D sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Đặng Minh Đ sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện các cháu đang sống với anh. Khi ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

***** Bị đơn chị Đặng Thị Thúy K vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Lê Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn chị Đặng Thị Thúy K vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, qui định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[2] Xét bị đơn chị Đặng Thị Thúy K mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên hòa giải và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị K vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị K.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị K cưới nhau vào năm 2010, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B đi chấp hành án 9 tháng tù giam về thì chị K bỏ nhà đi nên anh B và chị K đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay anh B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên anh xin được ly hôn với chị K. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị K không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù chị K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị K vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của anh B. Điều đó cho thấy chị K không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến chồng và

con. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Lê Văn B.

[4] Về con chung: Anh B khai có 03 con chung tên Lê Đặng Minh N sinh ngày xx/xx/xxxx, Lê Đặng Ngọc D sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Đặng Minh Đ sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện các cháu đang sống với anh. Khi ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh B là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật và nguyện vọng của cháu N, cháu D nên Hội đồng xét xử giao cho anh B được tiếp tục nuôi các cháu Lê Đặng Minh N, Lê Đặng Ngọc D, Lê Đặng Minh Đ, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con và chị được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh B khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo qui định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn B. Anh Lê Văn B được ly hôn với chị Đặng Thị Thúy K.

2. Về con chung: Giao anh B được tiếp tục nuôi cháu Lê Đặng Minh N sinh ngày xx/xx/xxxx, Lê Đặng Ngọc D sinh ngày xx/xx/xxxx, Lê Đặng Minh Đ sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị Đặng Thị Thúy K không phải cấp dưỡng nuôi con và chị K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí HNST nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001172 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên anh B đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cao Tuấn